TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 26 – 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Hoàng Mích
2. Ông Võ Minh Quang

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 04 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN HỒNG QUANG T, sinh ngày 04/02/2003 tại Thành phố H.

Nơi cư trú: Số 13/4, tổ 5, ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố H.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977 và bà Hồng Thị Kim P, sinh năm: 1982. Sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với một người phụ nữ, có 02 con chung.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/8/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. THÁI QUỐC K, sinh ngày 26/6/2005 tại Thành phố H.

Nơi cư trú: Số 24/28, đường số 2, tổ 191, khu phố 22, phường A, Quận B, Thành phố H.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Thái Văn M (Đã chết) và bà Huỳnh Thị G, sinh năm: 1974. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/8/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN QUANG T, sinh ngày 01/8/2004 tại Thành phố H.

Nơi cư trú: Số 79/1, tổ 1, ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố H.

Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1983 và bà Trà Thị Bích T, sinh năm: 1983. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 16/12/2022 bị Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 16/12/2022, về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự (khi phạm tội T là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội nghiêm trọng) (Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2022/HS-ST). Như vậy, bị cáo đã phạm tội mới trong thời gian thử thách và căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự thì hình phạt đang chấp hành chuyển thành án tù giam. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự, thì T không có án tích, nên lần phạm tội này không thuộc trường hợp tái phạm.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/8/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Phạm Thị H, sinh năm: 1956 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện B, tỉnh T.

2. Lê Thị Kim P, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh T.

3. Bùi Văn B, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Đ.

4. Nguyễn Thị Bé P, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

5. Phạm Thị S, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T.

6. Huỳnh Thị N, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T.

- Người làm chứng:

1. Ngô Thị Á, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Đ.

2. Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2023 đến ngày 12/8/2023, Thái Quốc K, Nguyễn Hồng Quang T và Nguyễn Quang T là bạn bè, cùng nhau bàn bạc thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản trên địa bàn ấp Phú Hưng, xã P và ấp G, xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; ấp 1 và ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đ và ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C,

tỉnh T để đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. K thực hiện 06 vụ cướp giật tài sản có tổng giá trị tài sản là 92.219.600 đồng, T thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản có tổng giá trị tài sản là 70.919.600 đồng và T thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản có giá trị là 21.300.000 đồng. Cụ thể các vụ cướp như sau:

1. 02 vụ án "Cướp giật tài sản", xảy ra ngày 08/8/2023 và ngày 12/8/2023 tại ấp P, xã Tvà ấp G, xã T, huyện B, tỉnh T.

1.1. Vụ án thứ nhất

Khoảng 06 giờ ngày 08/8/2023, Thái Quốc K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 84F1-133.68 chở Nguyễn Quang T, cùng với Đỗ Quốc H (hiện đã bỏ trốn) chạy xe riêng một mình cùng nhau đi từ huyện H, Thành phố H xuống huyện B, tỉnh Bến Tre, với mục đích tìm người đi đường có đeo dây chuyền vàng, để cướp giật tài sản. Khi lưu thông trên Quốc lộ 57B, theo hướng từ cầu A xuống chợ C, thuộc ấp P, xã T, huyện Bình Đại, thì phát hiện bà Phạm Thị H, sinh năm 1956, nơi cư trú: ấp H, xã C, huyện B, đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision màu sơn đỏ biển số 71C1-458.16, lưu thông theo hướng cùng chiều phía trước, trên cổ có đeo sợi dây chuyền và mặt dây chuyền có tổng trọng lượng 06 chỉ vàng 18K, nên K điều khiển xe chạy theo sau, rồi vượt lên chạy song song và áp sát vào xe của bà H. T ngồi sau, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền và mặt dây chuyền của bà H đang đeo trên cổ. Sau đó, K rồ ga nhanh chóng bỏ chạy. Còn H điều khiển xe chạy một mình theo sau. Khi về đến huyện H, Thành phố H, T đưa cho K sợi dây chuyền và mặt dây chuyền để K đem bán tại Tiệm vàng Phúc Kim Tín được số tiền 12.000.000 đồng. K và T mỗi người chia nhau 3.500.000 đồng, H được chia 5.000.000 đồng (do H có hoàn cảnh khó khăn, nên được chia tiền nhiều hơn).

Bản Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 05/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận 01 sợi dây chuyền và 01 mặt dây chuyền có tổng trọng lượng 06 chỉ vàng 18K của bà H trị giá 21.300.000 đồng.

1.2. Vụ án thứ hai

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 12/8/2023, Thái Quốc K và Nguyễn Hồng Quang T cùng nhau bàn bạc đi từ huyện H, Thành phố H xuống huyện Bình Đại, để cướp giật dây chuyền vàng của người đi đường. K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 84F1-133.68 chở T lưu thông trên Quốc lộ 57B, theo hướng từ chợ C xuống chợ T, thuộc ấp G, xã T, huyện B, thì phát hiện chị Lê Thị Kim P, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp S, xã T, đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision màu sơn đỏ biển số 71C1-219.72, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng, nên K điều khiển xe chạy theo sau, rồi vượt lên chạy song song và áp sát vào xe của chị P. T ngồi sau, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị P đang đeo trên cổ. K tăng ga chở T chạy về đến thị xã C, tỉnh T, thì bị lực lượng Công an thị xã C, tỉnh T chốt chặn, kiểm tra, tạm giữ các tài sản bao gồm: 01 sợi dây chuyền vàng mà K và T đã cướp giật của chị P và 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 84F1-133.68; đồng thời, thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đến phối hợp xử lý.

Bản Kết luận giám định số 6493 ngày 06/11/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 11,3233 gam, có thành phần kim loại là vàng (Au): 59,35%, Bạc (Ag): 19,61%, Đồng (Cu): 20,37%.

Bản Kết luận định giá tài sản số 29 ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 11,3233 gam, có thành phần kim loại là vàng (Au): 59,35%, Bạc (Ag): 19,61%, Đồng (Cu): 20,37% của chị P trị giá 10.062.600 đồng.

Ngày 27/12/2023, Cơ quan điều tra trả lại sợi dây chuyền cho chị P. Chị P đã nhận lại sợi dây chuyền và không có yêu cầu gì thêm.

Tổng cộng trên địa bàn huyện Bình Đại, K tham gia thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản có tổng trị giá 31.362.600 đồng, T tham gia thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản trị giá 21.300.000 đồng và T tham gia thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản trị giá 10.062.600 đồng.

2. 02 vụ án "Cướp giật tài sản", xảy ra ngày 27/7/2023 và ngày 28/7/2023 tại ấp 1 và ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

2.1. Vụ án thứ nhất

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/7/2023, Thái Quốc K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 68L1-502.32 (cùng một loại xe như 02 vụ cướp giật tài sản ở huyện Bình Đại, nhưng K gắn thay biển số khác nhằm tránh bị phát hiện) chở Nguyễn Hồng Quang T đi từ huyện H, Thành phố H đến huyện T, tỉnh Đ, tìm người đi đường có đeo dây chuyền vàng để cướp giật. K chở T lưu thông trên đường N2, thuộc ấp 3, xã M, huyện T, theo hướng từ xã Trường X về thị trấn M, huyện T, thì phát hiện ông Bùi Văn B, sinh năm 1964, đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Future biển số 66M1-600.19 chở vợ là bà Ngô Thị Á, sinh năm 1963 cùng nơi cư trú tại ấp M, xã T, huyện T, đang lưu thông theo chiều ngược lại, trên cổ của ông B có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18K, nên K quay xe lại, chạy theo sau xe ông B, rồi vượt lên chạy song song, áp sát vào xe ông B để T ngồi sau, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền trên cổ ông B. K tăng ga chạy về huyện H, Thành phố H. Thịnh đưa sợi dây chuyền cho K đem bán tại Tiệm vàng Kim Phúc T được số tiền 14.000.000 đồng, chia đều mỗi người 7.000.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 38 ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Th, tỉnh Đ kết luận 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18K của ông B trị giá 17.750.000 đồng.

2.2. Vụ án thứ hai

Khoảng 06 giờ 55 phút ngày 28/7/2023, Thái Quốc K tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 68L1-502.32 chở Nguyễn Hồng Quang T đi từ huyện H, Thành phố H xuống huyện T, tỉnh Đ, để cướp giật tài sản. K chở T lưu thông trên đường N2, theo hướng từ xã T về thị trấn M, huyện T, thuộc ấp 1, xã M, huyện T, thì phát hiện bà Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp 1, xã M, huyện T, đang đi bộ cùng chiều phía trước, trên cổ có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ 06 phân vàng 18K, nên K điều khiển xe áp sát vào người bà P để T ngồi

sau, dùng tay phải giật sợi dây chuyền của bà P đang đeo trên cổ, rồi Kiệt điều khiển xe chở T chạy tiếp qua huyện C, tỉnh T. Đến chiều cùng ngày, T đưa cho K đem bán sợi dây chuyền cho Tiệm vàng Kim Phúc Tín được số tiền 11.600.000 đồng, lấy tiền chia đều mỗi người 5.800.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Đ kết luận 01 sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ 06 phân vàng 18K của bà P trị giá 12.780.000 đồng.

Tổng cộng trên địa bàn huyện T, K và T cùng thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trị giá 30.530.000 đồng.

3. 02 vụ án "Cướp giật tài sản", xảy ra ngày 24/7/2023 và ngày 28/7/2023, tại ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T.

3.1. Vụ án thứ nhất

Khoảng 07 giờ ngày 24/7/2023, Thái Quốc K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 68L1-502.32 chở Nguyễn Hồng Quang T đi từ huyện H, Thành phố H đến huyện C, tỉnh T, để tìm người đi đường có đeo dây chuyền để cướp giật tài sản. K chở T lưu thông trên đường tỉnh 861, theo hướng ra Quốc lộ 1A, thuộc ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T, thì phát hiện bà Phạm Thị S, sinh năm 1963, nơi cư trú: ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, đang đi bộ ngược chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 5,3 chỉ vàng 18K và mặt dây chuyền cẩm thạch. K quay xe lại, chạy theo song song và áp sát vào người bà S. T ngồi sau, dùng tay phải giật sợi dây chuyền và mặt dây chuyền cẩm thạch trên cổ của bà S. Sau đó, K chở T chạy về huyện H, Thành phố H. T đưa cho K đem bán sợi dây chuyền và mặt dây chuyền cho một tiệm vàng tại huyện H (không rõ địa chỉ cụ thể) được số tiền 13.600.000 đồng. K và T chia đều mỗi người 6.800.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 99 ngày 12/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh T kết luận 01 sợi dây chuyền trọng lượng 5,3 chỉ vàng 18K và mặt dây cẩm thạch của bà S trị giá 22.207.000 đồng.

3.2. Vụ án thứ hai

Sau khi thực hiện vụ cướp giật tài sản tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đ, Thái Quốc K điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Hồng Quang T đến huyện C, tỉnh T, để tìm người đi đường có đeo dây chuyền để tiếp tục cướp giật. Lúc này, khoảng 08 giờ ngày 28/7/2023, trong lúc đang lưu thông trên đường tỉnh 861, theo hướng ra Quốc lộ 1A, thuộc ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, thì phát hiện ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1965, đang điều khiển xe mô tô biển số 63B1-370.09 chở vợ là bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1971, cùng nơi cư trú tại ấp M, xã Mỹ Lợi B, huyện C lưu thông theo chiều ngược lại, trên cổ của bà N có đeo sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K và mặt dây chuyền cẩm thạch, nên K quay xe lại, chạy kè theo phía sau xe của ông V, rồi vượt lên chạy song song và áp sát vào xe ông V. T ngồi sau, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền và mặt dây chuyền cẩm thạch của bà N đang đeo trên cổ. Sau đó, K chở T bỏ chạy về huyện H, Thành phố H. T đưa sợi dây chuyền và mặt dây chuyền cho K đem bán tại một tiệm vàng tại huyện H (không rõ địa chỉ cụ thể) được số tiền 6.800.000 đồng. K và T chia đều mỗi người 3.400.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 100 ngày 12/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh T kết luận 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 18K và mặt dây chuyền cẩm thạch của bà N trị giá 8.120.000 đồng.

Tổng cộng trên địa bàn huyện C, K và T cùng thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trị giá 30.327.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSBĐ ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T và Thái Quốc K về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Quang T về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K và Nguyễn Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố và tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Các bị cáo đồng ý với các Kết luận định giá tài sản, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các bị cáo K và T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại.

- Bị hại bà Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa trình bày đã được gia đình các bị cáo Thái Quốc K, Nguyễn Quang T bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị cướp giật là 21.300.000 đồng, bà H không có yêu cầu gì thêm đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

- Bị hại Lê Thị Kim P vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra trình bày đã nhận lại toàn bộ tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu gì thêm.

- Bị hại ông Bùi Văn B vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử trình bày ngày 03/4/2024 gia đình của bị cáo Thái Quốc K đã bồi thường cho ông B số tiền 8.875.000 đồng là ½ của số tiền bị thiệt hại (17.750.000 đồng). Đối với ½ số tiền còn lại ông B có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường vì gia đình bị cáo K đã bồi thường ½.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Bé P vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử trình bày ngày 03/4/2024 gia đình của bị cáo Thái Quốc K đã bồi thường cho bà P số tiền 6.390.000 đồng (là ½ của số tiền bị thiệt hại (12.780.000 đồng). Đối với ½ số tiền còn lại bà P không có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường.

- Bị hại bà Phạm Thị S vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử trình bày ngày 04/4/2024 gia đình của bị cáo Thái Quốc K đã bồi thường cho bà S số tiền 11.103.500 đồng là ½ của số tiền bị thiệt hại (22.207.000 đồng). Đối với ½ số tiền còn lại bà S có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường vì gia đình bị cáo K đã bồi thường ½.

- Bị hại bà Huỳnh Thị N vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử trình bày ngày 04/4/2024 gia đình của bị cáo Thái Quốc K đã bồi thường cho bà N số tiền 4.060.000 đồng là ½ của số tiền bị thiệt hại (8.120.000 đồng). Đối với ½ số tiền còn lại bà N có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường vì gia đình bị cáo K đã bồi thường ½ .

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K, Nguyễn Quang T phạm tội: "Cướp giật tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hồng Quang T:

Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Quang T từ 07 (Bảy) năm tù đến 09 (Chín) năm tù về tội "*Cướp giật tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

+ Đối với bị cáo Thái Quốc K:

Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thái Quốc K từ 07 (Bảy) năm tù đến 09 (Chín) năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Quang T:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"*.

Căn cứ khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2022/HS-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án để buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen, biển số 84F1-133.68, số khung: RLCUG06T0FY055679; số máy: G3D4E061892 là xe của bị cáo K mua để sử dụng. Bị cáo K đã sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội nhưng qua điều tra xác minh nguồn gốc của xe mô tô này là tài sản có liên quan đến một vụ "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại huyện H, Thành phố H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại tiếp tục tạm giữ để lập thủ tục chuyển đến cơ quan có thẩm quyền của huyện H, Thành phố H xử lý theo quy định của pháp luật mà không xử lý trong vụ án này (Quyết định xử lý vật chứng số 187 ngày 05/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Quang T có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Bùi Văn B số tiền là 8.875.000 đồng; bị hại Phạm Thị S số tiền là 11.103.500 đồng và bị hại Huỳnh Thị N số tiền là 4.060.000 đồng.

+ Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé P không có yêu cầu bị cáo Thịnh phải bồi thường số tiền 6.390.000 đồng.

- Các vấn đề khác:

+ Đối tượng Đỗ Quốc H, sinh ngày 31/5/1999, nơi cư trú: ấp 3, xã X, huyện H, Thành phố H đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không rõ nơi ở mới, nên không triệu tập làm việc được. Ngày 05/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại ra Quyết định số 186 về việc tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với H. Khi nào làm việc được, sẽ tiến hành xử lý sau.

+ Chủ tiệm vàng Kim Phúc Tín không xác định được có mua vàng do bị cáo K bán hay không do giao dịch mua bán vàng hàng ngày diễn ra nhiều, nên không xem xét xử lý trách nhiệm của chủ tiệm vàng là đúng pháp luật.

+ Bị cáo K không nhớ rõ được địa chỉ cụ thể của tiệm vàng ở huyện Hóc Môn là nơi mà K đã 02 lần bán dây chuyền trong 02 vụ án cướp giật tài sản xảy ra tại ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T, nên không có căn cứ để xác minh, xem xét xử lý gì thêm.

+ Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 84F1-133.68 đã được giữ lại tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại để chuyển xử lý theo thẩm quyền, nên không xử lý trong vụ án này là đúng pháp luật. Đối với biển số 68L1-502.32 không thu giữ được, nên không đề cập xử lý gì thêm.

- Các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K và Nguyễn Quang T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bình Đại tỉnh Bến Tre và huyện T, tỉnh Đ; huyện C, tỉnh T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt của các bị hại là bà Lê Thị Kim P, ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Bé P, bà Phạm Thị S và bà Huỳnh Thị N, là bà Lê Thị Kim P, ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Bé P, bà Phạm Thị S và bà Huỳnh Thị N, người làm chứng, các bị cáo không có ý kiến gì. Các bị hại có lời khai và yêu cầu bồi thường đầy đủ, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt nhưng đều đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng ở Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các bị hại, những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì đã có lời khai ở cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, các bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại, những người làm chứng là phù hợp theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K và Nguyễn Quang T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: "Cướp giật tài sản" đúng với các tình tiết của vụ án và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2023 đến ngày 12/8/2023, trên địa bàn ấp P, xã P và ấp G, xã T, huyện B, tỉnh B; ấp 1 và ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đ và ấp L, xã B, huyện C, tỉnh T, do động cơ tư lợi, các bị cáo Thái Quốc K, Nguyễn Hồng Quang T và Nguyễn Quang T cùng nhau bàn bạc dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản là dây chuyền vàng và mặt dây chuyền của những người đi đường, để đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Bị cáo K thực hiện 06 vụ cướp giật tài sản có tổng giá trị là 92.219.600 đồng. Bị cáo T thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản có tổng giá trị là 70.919.600 đồng. Bị cáo T thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản trị giá 21.300.000 đồng của các bị hại là bà Phạm Thị H, chị Lê Thị Kim P, ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị Bé P, bà Phạm Thị S và bà Huỳnh Thị N. Bị cáo K và T đều là những người không có nghề nghiệp, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố các bị cáo Thái Quốc K, Nguyễn Hồng Quang T về tội: "***Cướp giật tài sản"*** theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Quang T về tội: "***Cướp giật tài sản"*** theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi phạm tội các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có đầy đủ năng lực, nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, hành vi của các bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của các bị hại trong khi các bị hại đang tham gia giao thông trên đường, rồi nhanh chóng tẩu thoát là "*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*" vì có thể làm cho các bị hại té ngã xuống đường gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe và góp phần cho công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm tại địa phương.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Nguyễn Quang T có nhân thân xấu. Ngày 16/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 16/12/2022, về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2022/HS-ST ngày 16/12/2022.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Hồng Quang T thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản, bị cáo Thái Quốc K thực hiện 06 vụ cướp giật tài sản thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Quang T: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Hồng Quang T có 01 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là "Người phạm tội thành khẩn khai báo" và tình tiết giảm nhẹ khác là gia đình có công với cách mạng (Có bà cố là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội, các ông chú đều là Liệt sĩ) quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Thái Quốc K và bị cáo Nguyễn Quang T có 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" và tình tiết giảm nhẹ khác là bị hại bà Phạm Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo có vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ cụ thể từng người khi thực hiện tội phạm. Bị cáo T có vai trò là người thực hành trong thực hiện tội phạm, trực tiếp thực hiện việc cướp giật tài sản của các bị hại. Bị cáo K có vai trò là người giúp sức, sử dụng xe mô tô của mình làm phương tiện phạm tội, trực tiếp điều khiển xe mô tô nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo T cướp giật tài sản, đi bán tài sản do phạm tội mà có, lấy tiền chia cho các bị cáo khác tiêu xài. Bị cáo T có vai trò là người thực hành, trực tiếp cướp giật tài sản của người bị hại.

[7] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi phạm tội của 03 bị cáo gây ra xét thấy cần cách ly 03 bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục 03 bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Xét về hình phạt áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo K tuy có thực hiện số vụ cướp giật tài sản nhiều hơn 01 vụ so với bị cáo T, nhưng do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong phần trách nhiệm dân sự của mình trong vụ án, bị hại Phạm Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo Kiệt có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn so với bị cáo T, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K nhẹ hơn so với bị cáo T.

[8] Đới với bị cáo Nguyễn Quang T ngày 16/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày 16/12/2022, về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự (khi phạm tội T là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội nghiêm trọng) theo Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2022/HS-ST. Như vậy, bị cáo T đã phạm tội mới trong thời gian thử thách và căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự thì hình phạt đang chấp

hành chuyển thành án tù giam. Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án.

[9] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Thái Quốc K và Nguyễn Quang T đã bồi thường xong cho các bị hại. Các bị hại Bùi Văn B, Phạm Thị S, Huỳnh Thị N có yêu cầu bị cáo Nguyễn Hồng Quang T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại tổng cộng là 24.038.500 đồng. Đây là yêu cầu phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Quang T có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Bùi Văn B số tiền là 8.875.000 đồng, bị hại Phạm Thị S số tiền là 11.103.500 đồng và bị hại Huỳnh Thị N số tiền là 4.060.000 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại bà Nguyễn Thị Bé P không có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 6.390.000 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 84F1-133.68, số khung: RLCUG06T0FY055679; số máy: G3D4E061892 là xe của K mua để sử dụng. K đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, nhưng qua điều tra xác minh nguồn gốc của xe mô tô này là tài sản có liên quan đến một vụ việc "Trộm cắp tài sản" xảy ra tại huyện H, Thành phố H, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại tiếp tục tạm giữ để lập thủ tục chuyển đến cơ quan có thẩm quyền của huyện H, Thành phố H xử lý theo quy định của pháp luật mà không xử lý trong vụ án này (Quyết định xử lý vật chứng số 187 ngày 05/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại) là đúng quy định của pháp luật.

[13] Các vấn đề khác

- Đối tượng Đỗ Quốc H, sinh ngày 31/5/1999, nơi cư trú: ấp 3, xã X, huyện H, Thành phố H đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không rõ nơi ở mới, nên không triệu tập làm việc được. Ngày 05/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại ra Quyết định số 186 về việc tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với H. Khi nào làm việc được, sẽ tiến hành xử lý sau là đúng pháp luật.

- Chủ tiệm vàng Kim Phúc Tín không xác định được có mua vàng do bị cáo K bán hay không do giao dịch mua bán vàng hàng ngày diễn ra nhiều, nên không xem xét xử lý trách nhiệm của chủ tiệm vàng là đúng pháp luật.

- Bị cáo K không nhớ rõ được địa chỉ cụ thể của tiệm vàng ở huyện Hóc Môn là nơi mà K đã 02 lần bán dây chuyền trong 02 vụ án cướp giật tài sản xảy ra tại ấp L, xã Mỹ Lợi B, huyện C, tỉnh T, nên không có căn cứ để xác minh, xem xét xử lý gì thêm.

- Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh đen biển số 84F1-133.68 đã được giữ lại tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại để

chuyển xử lý theo thẩm quyền, nên không xử lý trong vụ án này là đúng pháp luật. Đối với biển số 68L1-502.32 không thu giữ được, nên không đề cập xử lý gì thêm.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Riêng bị cáo T bồi thường dân sự cho các bị hại nên bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng Quang T, Thái Quốc K và Nguyễn Quang T phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng Quang T 08 (Tám) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

2. Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự/.

Xử phạt bị cáo **Thái Quốc K 07 (Bảy) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2023.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.**

Căn cứ khoản 5 Điều 65; Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 221/2022/HS-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách. Buộc **bị cáo Nguyễn Quang T** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Quang T có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Văn B số tiền là 8.875.000 đồng (Tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), bà Phạm Thị S số tiền là 11.103.500 đồng (Mười một triệu một trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng) và bà Huỳnh Thị N số tiền là 4.060.000 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé P không có yêu cầu bị cáo Thịnh phải bồi thường số tiền 6.390.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Hồng Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.202.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng). Tổng cộng án phí phải chịu là 1.402.000 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Bị cáo Thái Quốc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre, P7 (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ công an huyện Bình Đại (3b)
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (3b);
- Cơ quan điều tra công an huyện Bình Đại (1b);
- Bị cáo, bị hại (9b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (3b);
- Tòa hình sự (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương